

Court of Washington, County of _____
Tòa Án Washington, Quận _____

Petitioner
Nguyên Đơn

vs.
kiện

Respondent
Bị Đơn

DOB
Ngày Sinh

No. _____
Số

Motion to Renew Extreme Risk
Protection Order
**Kiến Nghị Gia Hạn Lệnh Bảo Vệ Rủi Ro
Cực Độ**
(MT)
(MT)

Motion to Renew Extreme Risk Protection Order
Kiến Nghị Gia Hạn Lệnh Bảo Vệ Rủi Ro Cực Độ

1. The *Extreme Risk Protection Order* dated: _____ will expire on (date): _____. This motion is brought no sooner than the 90th calendar day prior to the expiration of the order.
Lệnh Bảo Vệ Rủi Ro Cực Độ đề ngày: _____ sẽ hết hạn vào (ngày): _____. *Kiến nghị này được đưa ra không sớm hơn ngày thứ 90 trước ngày hết hạn của lệnh này.*
2. I want to renew the *Extreme Risk Protection Order* because the Respondent continues to pose a significant danger of causing personal injury to self or others by having in their custody or control, purchasing, possessing, accessing, receiving, or attempting to purchase or receive a firearm. (RCW 7.105.410(2)).
Tôi muốn gia hạn Lệnh Bảo Vệ Rủi Ro Cực Độ bởi vì Bị Đơn tiếp tục có nguy cơ đáng kể về việc gây thương tích cá nhân cho bản thân hoặc những người khác bằng cách có quyền quản lý hoặc kiểm soát, mua, sở hữu, tiếp cận, nhận hoặc cố mua hay nhận súng. (RCW 7.105.410(2)).
(Check the boxes that apply and explain in the space below.)
(Đánh dấu vào mục thích hợp và giải thích trong khoảng trống dưới đây.)
 - a. ☐ Respondent has access to someone else's firearm(s).
Bị Đơn có quyền sử dụng (các) súng của người khác.
 - b. ☐ Respondent owns a firearm/s or has expressed intent to obtain a firearm/.
Bị Đơn sở hữu (các) súng hoặc bày tỏ ý định có được (các) súng.

- c. [] Respondent has unlawfully or recklessly used, displayed, or brandished a firearm.
Bị Đơn đã sử dụng, phô bày hoặc khua súng một cách bất hợp pháp hoặc thiếu thận trọng.
- d. [] Respondent recently acquired a firearm/s.
Bị Đơn gần đây đã có được (các) súng.
- e. [] Respondent violated a civil or criminal protection order, no-contact order, or restraining order.
Bị Đơn đã vi phạm lệnh bảo vệ dân sự hoặc hình sự, lệnh cấm tiếp xúc hoặc lệnh cấm.
- f. [] Respondent was/is the subject of a previous or current extreme risk protection order.
Bị Đơn đã là/là đối tượng của lệnh bảo vệ rủi ro cực độ trước đó hoặc hiện tại.
- g. [] Respondent violated a previous or current extreme risk protection order.
Bị Đơn đã vi phạm lệnh bảo vệ rủi ro cực độ trước đó hoặc hiện tại.
- h. [] Respondent has been arrested for or convicted of a domestic violence crime as defined in RCW 10.99.020.
Bị Đơn đã bị bắt vì hoặc bị kết án về tội bạo hành gia đình như được định nghĩa trong RCW 10.99.020.
- i. [] Respondent has been arrested for or convicted of a felony offense or violent crime.
Bị Đơn đã bị bắt vì hoặc bị kết án về trọng tội hoặc tội bạo hành.
- j. [] Respondent has been convicted of a hate crime under RCW 9A.36.080.
Bị Đơn đã bị kết án về tội thù hận theo RCW 9A.36.080.
- k. [] Respondent has recently committed or threatened violence against self or others, whether or not Respondent had a firearm.
Bị Đơn gần đây đã phạm tội hoặc đe dọa bạo hành đối với bản thân hoặc những người khác, cho dù Bị Đơn có súng hay không.
- l. [] Respondent has shown, within the past 12 months, a pattern of acts or threats of violence, which can include violent acts against self or others.
Bị Đơn đã thể hiện, trong vòng 12 tháng qua, một kiểu hành vi hoặc đe dọa bạo hành, có thể bao gồm các hành vi bạo hành đối với bản thân hoặc những người khác.
- m. [] Respondent has a history of use, attempted use, or threatened use of physical force against another person.
Bị Đơn có quá trình sử dụng, cố sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực đối với một người khác.
- n. [] Respondent has a history of stalking another person.
Bị Đơn có quá trình theo dõi một người khác.
- o. [] Respondent's behaviors present an imminent threat of harm to self.
Hành vi của Bị Đơn thể hiện mối đe dọa sắp gây tổn hại cho bản thân.
- p. [] Respondent's behaviors present an imminent threat of harm to others.
Hành vi của Bị Đơn thể hiện mối đe dọa sắp gây tổn hại cho những người

khác.

- q. ☐ There is corroborative evidence of Respondent's abuse of ☐ alcohol or ☐ controlled substances.

Có bằng chứng được chứng thực về việc Bị Đơn lạm dụng [-] rượu bia hoặc [-] hoặc chất bị kiểm soát.

- r. ☐ Other:

Khác:

(For each of the reasons you checked above, explain the reason/s you checked the boxes and give case number/s and name/s of courts, if available.)

(Đối với mỗi lý do mà quý vị đã đánh dấu trên đây, hãy giải thích (các) lý do mà quý vị đã đánh dấu vào các mục và cho biết (các) số vụ kiện và (các) tên các tòa án, nếu có.)

3. ☐ There has been no material change in relevant circumstances since entry of the order. I want the order renewed for these reasons:

Không có thay đổi quan trọng nào trong các tình tiết liên quan kể từ khi có lệnh. Tôi muốn gia hạn lệnh vì các lý do này:

I certify under penalty of perjury under the laws of the State of Washington that the foregoing is true and correct.

Tôi cam kết, dưới mọi hình phạt khai man, theo luật lệ của Tiểu Bang Washington rằng những điều đã nói ở trên là hoàn toàn đúng sự thật.

Dated: _____ at _____,

Washington

Đề ngày: _____ tại _____, Washington

Signature of Petitioner

Chữ Ký của Nguyên Đơn

Print Name, if Law Enforcement,

Badge #

Tên Viết In và nếu Cơ Quan Thực Thi Pháp Luật, Thẻ #

This document must be served on the other party, and a Proof of Service must be filed with the court clerk at or before the hearing.

Văn kiện này phải được tổng đạt cho đương sự còn lại và Bằng Chứng Tổng Đạt phải được nộp cho lục sự tòa án tại hoặc trước phiên xét xử.